

VII. PHẨM LỚN (MAHĀVAGGA)

I. KINH THUYẾT CĂN BẢN CỦA NGOẠI ĐẠO (*Titthāyatanādisutta*)⁸⁰ (A. I. 173)

62. Nay các Tỷ-kheo, có ba y xứ này của ngoại đạo, dầu có bị các bậc Hiền giả cật vấn,⁸¹ nạn vấn lý do, thảo luận, vẫn kiên trì trong quan điểm truyền thống⁸² về vô vi (*akiriyāya*). Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: “Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ.”⁸³ Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: “Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân một vị Tạo hóa tạo ra.” Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, hay Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: “Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên.”

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: “Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ”; đối với các vị ấy, Ta đến và nói: “Chư Tôn giả, có thật chẳng chư Tôn giả có thuyết như sau, chấp kiến như sau: ‘Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ?’”

Được Ta hỏi vậy, họ trả lời: “Thưa phải, có như vậy.”

Ta nói với họ như sau: “Như vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người sát sanh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người lấy của không cho; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người không Phạm hạnh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói láo; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói hai lưỡi; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người ác khẩu; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói lời phù phiếm; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người tham lam; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở

⁸⁰ Bản tiếng Anh của PTS: *Tenets*, nghĩa là *Các nguyên lý*. Tham chiếu: *Độ kinh* 度經 (T.01. 0026.13. 0435a24).

⁸¹ Xem M. I. 130.

⁸² *Parampi gantvāti*: Kiên trì đời này qua đời khác.

⁸³ Xem M. II. 214ff.

thành người có tâm sân; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người theo tà kiến.” Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào nghiệp quá khứ như là lý do xác thực, những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có suy nghĩ “đây là việc phải làm” hay “đây là việc không nên làm.” Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được xem là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho họ được, vì họ sống thất niệm, với các căn không được hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ nhất của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: “Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân một vị Tào hóa tạo ra”; đối với các vị ấy, Ta đến và nói: “Chư Tôn giả, có thật chẳng chư Tôn giả có thuyết như sau, chấp kiến như sau: ‘Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân một vị Tào hóa tạo ra’?”

Được Ta hỏi vậy, họ trả lời: “Thưa phải, có như vậy.”

Ta nói với họ như sau: “Như vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân một vị Tào hóa tạo ra, sẽ trở thành người sát sanh; do nhân một vị Tào hóa tạo ra, sẽ trở thành người lấy của không cho; do nhân một vị Tào hóa tạo ra, sẽ trở thành người không Phạm hạnh; do nhân một vị Tào hóa tạo ra, sẽ trở thành người nói láo; do nhân một vị Tào hóa tạo ra, sẽ trở thành người nói hai lưỡi; do nhân một vị Tào hóa tạo ra, sẽ trở thành người ác khẩu; do nhân một vị Tào hóa tạo ra, sẽ trở thành người nói lời phù phiếm; do nhân một vị Tào hóa tạo ra, sẽ trở thành người tham lam; do nhân một vị Tào hóa tạo ra, sẽ trở thành người có tâm sân; do nhân một vị Tào hóa tạo ra, sẽ trở thành người theo tà kiến.” Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào vị Tào hóa tạo ra như là lý do xác thực, những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có suy nghĩ “đây là việc phải làm” hay “đây là việc không nên làm.” Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được xem là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho họ được, vì họ sống thất niệm, với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ hai của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: “Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên”; đối với các vị ấy, Ta đến và nói: “Chư Tôn giả, có thật chẳng chư Tôn giả có thuyết như sau, chấp kiến như sau: ‘Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên’?”

Được Ta hỏi vậy, họ trả lời: “Thưa phải, có như vậy.”

Ta nói với họ như sau: “Như vậy, thời theo các Tôn giả, do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người sát sanh; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người lấy của không cho; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người không Phạm hạnh; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người nói láo; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người nói hai lưỡi; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người ác khẩu; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người nói lời phù phiếm; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người tham lam; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người có tâm sân; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người theo tà kiến.” Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào không nhân, không duyên như là lý do xác thực, những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có suy nghĩ “đây là việc phải làm” hay “đây là việc không nên làm.” Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được xem là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho họ được, vì họ sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ ba của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, đây là ba y xứ của ngoại đạo, dầu có bị các bậc Hiền giả cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận, vẫn kiên trì trong quan điểm truyền thống về vô vi [không hành động].

Và này các Tỷ-kheo, đây là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách?

Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách.

Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách, được nói đến như vậy. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào được nói đến? Này các Tỷ-kheo, có sáu giới này: Địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, không giới, thức giới. Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Có sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào được nói đến? Này các Tỷ-kheo, có sáu xúc xứ này: Nhãn xúc xứ, nhĩ xúc xứ, tỷ xúc xứ, thiệt xúc xứ, thân xúc xứ, ý xúc xứ. Có sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Có mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào được nói đến? Khi mắt thấy sắc, tư tưởng hướng về và đến gần sắc, làm y xứ cho hỷ; hướng về và đến gần sắc, làm y xứ cho ưu; hướng về và đến gần sắc, làm y xứ cho xả. Khi tai nghe tiếng, tư tưởng hướng về và đến gần tiếng, làm y xứ cho hỷ; hướng về và đến gần tiếng, làm y xứ cho ưu; hướng về và đến gần tiếng, làm y xứ cho xả. Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý nhận thức pháp, tư tưởng hướng về và đến gần pháp, làm y xứ cho hỷ; hướng về và đến gần pháp, làm y xứ cho ưu; hướng về và đến gần pháp, làm y xứ cho xả. Có mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào được nói đến? Do chấp thủ sáu giới, này các Tỷ-kheo, nên có nhập thai; do có nhập thai nên có danh sắc; do duyên danh sắc nên có sáu xứ; do duyên sáu xứ nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ. Với người có cảm thọ, này các Tỷ-kheo, Ta nêu rõ: “Đây là khổ”; Ta nêu rõ: “Đây là khổ tập; Ta nêu rõ: “Đây là khổ diệt”; Ta nêu rõ: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế?

Sanh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ; điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Này các Tỷ-kheo, đây là Khổ Thánh đế.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập?

Vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt?

Do vô minh diệt, không có dư tàn nên các hành diệt; do hành diệt nên thức diệt; do thức diệt nên danh sắc diệt; do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt; do xúc diệt nên thọ diệt; do thọ diệt nên ái diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt toàn bộ của khổ uẩn này. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ diệt.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt?

Đây là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Bốn Thánh đế này, nay các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không có uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

II. KINH CÁC SỢ HÃI (*Bhaya sutta*)⁸⁴ (A. I. 178)

63. Có ba sự sợ hãi, nay các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được người phạm phu không học nói đến. Thế nào là ba?

Có một thời, nay các Tỷ-kheo, một hỏa tai lớn khởi lên. Khi hỏa tai lớn này khởi lên, nay các Tỷ-kheo, các làng bị thiêu, các thị trấn bị thiêu, các thành phố bị thiêu. Khi các làng bị thiêu, các thị trấn bị thiêu, các thành phố bị thiêu, mẹ không tìm được con, con không tìm được mẹ. Đây là sợ hãi thứ nhất, nay các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phạm phu không học nói đến.

Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, một thời có mưa lớn khởi lên. Khi mưa lớn khởi lên, nay các Tỷ-kheo, lụt lớn sanh khởi. Do có lụt lớn sanh khởi nên các làng bị cuốn trôi, các thị trấn bị cuốn trôi, các thành phố bị cuốn trôi. Khi các làng bị cuốn trôi, các thị trấn bị cuốn trôi, các thành phố bị cuốn trôi, mẹ không tìm được con, con không tìm được mẹ. Đây là sợ hãi thứ hai, nay các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phạm phu không học nói đến.

Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, một thời có sợ hãi về giặc cướp rừng nổi lên, và dân chúng leo lên xe chạy trốn. Khi sợ hãi về giặc cướp rừng nổi lên, nay các Tỷ-kheo, dân chúng leo lên xe chạy trốn, mẹ không tìm được con, con không tìm được mẹ. Đây là sợ hãi thứ ba, nay các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phạm phu không học nói đến.

Có ba sự sợ hãi này, nay các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được người phạm phu không học nói đến.

Có ba sự sợ hãi này, nay các Tỷ-kheo, có khi chia rẽ mẹ con, có khi không chia rẽ mẹ con, được kẻ phạm phu không học nói đến. Thế nào là ba?

Có một thời, nay các Tỷ-kheo, một hỏa tai lớn khởi lên. Khi hỏa tai lớn này khởi lên, nay các Tỷ-kheo, các làng bị thiêu, các thị trấn bị thiêu, các thành phố

⁸⁴ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.758. 0199b05).

bị thiêu. Khi các làng bị thiêu, các thị trấn bị thiêu, các thành phố bị thiêu, trong khi ấy, thời có trường hợp mẹ có thể tìm được con, con có thể tìm được mẹ. Đây các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ nhất, có khi làm chia rẽ mẹ con, có khi không làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phạm phu không học nói đến.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một thời có mưa lớn khởi lên. Khi mưa lớn khởi lên, này các Tỷ-kheo, lụt lớn sanh khởi. Do có lụt lớn sanh khởi nên các làng bị cuốn trôi, các thị trấn bị cuốn trôi, các thành phố bị cuốn trôi. Khi các làng bị cuốn trôi, các thị trấn bị cuốn trôi, các thành phố bị cuốn trôi, trong khi ấy, thời có trường hợp mẹ có thể tìm được con, con có thể tìm được mẹ. Đây các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ hai, có khi làm chia rẽ mẹ con, có khi không làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phạm phu không học nói đến.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một thời có sợ hãi về giặc cướp rừng nổi lên, và dân chúng leo lên xe chạy trốn. Khi sợ hãi về giặc cướp rừng nổi lên, này các Tỷ-kheo, dân chúng leo lên xe chạy trốn, trong khi ấy, thời có trường hợp mẹ có thể tìm được con, con có thể tìm được mẹ. Đây các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ ba, có khi làm chia rẽ mẹ con, có khi không làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phạm phu không học nói đến.

Có ba sự sợ hãi này, này các Tỷ-kheo, có khi làm chia rẽ mẹ con, có khi không làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phạm phu không học nói đến.

Có ba sự sợ hãi này, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con. Thế nào là ba? Sợ hãi về già, sợ hãi về bệnh, sợ hãi về chết.

Này các Tỷ-kheo, người mẹ không muốn con mình bị già: “Ta nay bị già, mong rằng con ta không bị già!” Hay người con không muốn mẹ mình bị già: “Ta nay bị già, mong rằng mẹ ta không bị già!”

Này các Tỷ-kheo, người mẹ không muốn con mình bị bệnh: “Ta nay bị bệnh, mong rằng con ta không bị bệnh!” Hay người con không muốn mẹ mình bị bệnh: “Ta nay bị bệnh, mong rằng mẹ ta không bị bệnh!”

Này các Tỷ-kheo, người mẹ không muốn con mình bị chết: “Ta nay bị chết, mong rằng con ta không bị chết!” Hay người con không muốn mẹ mình bị chết: “Ta nay bị chết, mong rằng mẹ ta không bị chết!”

Đây là ba sự sợ hãi, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con.

Có con đường, này các Tỷ-kheo, có đạo lộ đưa đến từ bỏ, vượt qua ba sự sợ hãi không làm chia rẽ mẹ con này, và ba sự sợ hãi làm chia rẽ mẹ con này. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến từ bỏ, vượt qua ba sự sợ hãi không làm chia rẽ mẹ con này, và ba sự sợ hãi làm chia rẽ mẹ con này?

Đây là con đường tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường, này các Tỷ-kheo, đây là đạo lộ đưa đến từ bỏ, vượt qua ba sự sợ hãi không làm chia rẽ mẹ con này, và ba sự sợ hãi làm chia rẽ mẹ con này.

III. KINH VENĀGAPURA (*Venāgapurasutta*) (A. I. 180)

64. Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đến một làng Bà-la-môn Kosala tên là Venāgapura. Các gia chủ Bà-la-môn ở Venāgapura được nghe: “Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đã đến Venāgapura. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: ‘Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài với thắng trí, tự thân chứng ngộ và tuyên bố về thế giới này, cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời, loài người. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, và giới thiệu đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch.’ Tốt đẹp thay được chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!”

Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Venāgapura đi đến Thế Tôn; sau khi đến, có người đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm rồi ngồi xuống một bên; có người chấp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người im lặng rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vacchagotta, người xứ Venāgapura, bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh, chói sáng. Ví như, thưa Tôn giả Gotama, trái táo vàng vào mùa thu, được thanh tịnh, chói sáng; cũng vậy, các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh, chói sáng. Ví như, thưa Tôn giả Gotama, trái cây Sāla chín vừa rời khỏi cành, thanh tịnh, chói sáng; cũng vậy, các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh, chói sáng. Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một đồ trang sức bằng vàng đỏ, được người thợ vàng thiện xảo khéo luyện trong lò (*ukkāmukhe*), khéo đập và đặt trên tấm vải vàng, được chiếu sáng, chói sáng, rực sáng; cũng vậy, các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh, chói sáng.

Thưa Tôn giả Gotama, còn các giường cao và lớn như ghế bành,⁸⁵ ghế dài, nệm trải giường bằng lông cừu, vải trải giường nhiều tấm, nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, thảm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm thảm có lọng che phía trên, ghế dài có hai đầu gối chân màu

⁸⁵ AA. II. 293; *Tattha āsandīti. Pallāṅkoti pādesu vālarūpāni thapetvā kato. Gonakoti dīghalomako mahākojavo* (Ở đây, trường kỳ (*āsandīti*) là loại ghế dài quá khổ. Loại ghế chạm khắc hình thú (*pallāṅko*) nghĩa là loại có chạm khắc hình thú nơi chân ghế. Nệm trải giường bằng lông cừu (*gonako*) nghĩa là tấm trải lớn, đẹp, bằng lông cừu dài). Xem D. I. 7.

đỏ; các loại giường cao và giường lớn như vậy, chắc Tôn giả Gotama có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?

– Nay Bà-la-môn, các giường cao và lớn ấy, như ghế bành... có hai đầu gối chân màu đỏ, thật rất khó được các vật ấy. Và nếu có được cũng không thích hợp với những người xuất gia.

Này Bà-la-môn, có ba loại giường cao và giường lớn này, nay Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Thế nào là ba?

Giường cao, giường lớn chư thiên; giường cao, giường lớn Phạm thiên; giường cao, giường lớn bậc Thánh. Ba giường cao, giường lớn này, này Bà-la-môn, Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

– Và thưa Tôn giả Gotama, thế nào là giường cao, giường lớn chư thiên mà Tôn giả Gotama có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?

– Ở đây, này Bà-la-môn, Ta sống gần một làng hay một thị trấn. Buổi sáng, Ta đắp y, cầm y bắt đi vào làng ấy hay vào thị trấn ấy để khát thực. Sau khi ăn xong, trên con đường đi khát thực trở về, Ta đi đến góc cuối của khu rừng. Ở tại đây, Ta lượm cỏ hay lá chắt thành một đồng, rồi Ta ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Ly dục, ly pháp bất thiện, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Đoạn lạc và đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đi kinh hành, thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành của Ta thuộc chư thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đứng, thời trong lúc ấy, chỗ đứng của Ta thuộc chư thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta ngồi, thời trong lúc ấy, chỗ ngồi của Ta thuộc chư thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta nằm, thời trong lúc ấy giường cao và giường lớn của Ta thuộc chư thiên. Này Bà-la-môn, đây là giường cao, giường lớn thuộc chư thiên mà Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Có ai khác ngoài Tôn giả Gotama có thể có được giường cao, giường lớn chư thiên như vậy, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là giường cao, giường lớn Phạm thiên mà Tôn giả Gotama có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?

– Ở đây, này Bà-la-môn, Ta sống gần một làng hay một thị trấn. Buổi sáng, Ta đắp y, cầm y bát đi vào làng ấy hay thị trấn ấy để khát thực. Sau khi ăn xong, trên con đường đi khát thực trở về, Ta đi đến góc cuối của khu rừng. Ở tại đây, Ta lượm cỏ hay lá chắt thành một đồng, rồi Ta ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Ta an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, Ta an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân. ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai... quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân.

Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đi kinh hành, thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành của Ta thuộc Phạm thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đứng, thời trong lúc ấy, chỗ đứng của Ta thuộc Phạm thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta ngồi, thời trong lúc ấy, chỗ ngồi của Ta thuộc Phạm thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta nằm, thời trong lúc ấy, các giường cao, giường lớn của Ta thuộc Phạm thiên. Này Bà-la-môn, đây là giường cao, giường lớn thuộc Phạm thiên mà Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Có ai khác ngoài Tôn giả Gotama có thể có được giường cao, giường lớn Phạm thiên như vậy, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là giường cao, giường lớn bậc Thánh mà Tôn giả Gotama có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?

– Ở đây, này Bà-la-môn, Ta sống gần một làng hay một thị trấn. Buổi sáng, Ta đắp y, cầm y bát đi vào làng ấy hay thị trấn ấy để khát thực. Sau khi ăn xong, trên con đường đi khát thực trở về, Ta đi đến góc cuối của khu rừng. Ở tại đây, Ta lượm cỏ hay lá chắt thành một đồng, rồi Ta ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Ta rõ biết như sau: “Tham ái đã được Ta đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Sân đã được Ta đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Si đã được Ta đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai.”

Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đi kinh hành, thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành của Ta thuộc bậc Thánh. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đứng, thời trong lúc ấy, chỗ đứng của Ta thuộc bậc Thánh. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta ngồi, thời trong lúc ấy, chỗ ngồi của Ta thuộc bậc Thánh. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta nằm, thời trong lúc ấy, các giường cao, giường lớn của Ta thuộc

bạc Thánh. Này Bà-la-môn, đây là giường cao, giường lớn thuộc bậc Thánh mà Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Có ai khác ngoài Tôn giả Gotama có thể có được giường cao, giường lớn bậc Thánh như vậy, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

IV. KINH SARABHA (*Sarabhasutta*)⁸⁶ (A. I. 185)

65. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

Lúc bấy giờ, du sĩ Sarabha, từ bỏ Pháp và Luật này không bao lâu, đang tuyên bố như sau với hội chúng ở Rājagaha: “Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy.”

Rồi có nhiều Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Rājagaha để khát thực. Các vị Tỷ-kheo ấy nghe du sĩ Sarabha tuyên bố như sau với hội chúng ở Rājagaha: “Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy.”

Rồi các vị Tỷ-kheo đi khát thực ở Rājagaha xong, sau bữa ăn, trên con đường khát thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Du sĩ Sarabha, bạch Thế Tôn, đã từ bỏ Pháp và Luật này không bao lâu. Vị ấy tuyên bố như sau với hội chúng ở Rājagaha: “Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy.” Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng bi mẫn, hãy đi đến du sĩ Sarabha.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ ngồi thiền tịnh đứng dậy, đi đến bờ sông Sappinī, khu vườn của các du sĩ, đến du sĩ Sarabha; sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha:

⁸⁶ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.970. 0250a19); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.204. 0449b28).

– Có thật chẳng, này Sarabha, ông đã nói như sau: “Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật này”?

Được nghe hỏi vậy, du sĩ Sarabha giữ im lặng.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha:

– Hãy nói lên, này Sarabha, ông đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử như thế nào? Nếu ông hiểu chưa được đầy đủ, thời Ta sẽ làm cho được đầy đủ. Nhưng nếu ông hiểu được đầy đủ, thời Ta sẽ hoan hỷ tiếp nhận.

Lần thứ hai, du sĩ Sarabha giữ im lặng.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha:

– Chính do Ta, này Sarabha, pháp của các Sa-môn Thích tử được trình bày lên. Hãy nói lên, này Sarabha, ông đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử như thế nào? Nếu ông hiểu chưa được đầy đủ, thời Ta sẽ làm cho được đầy đủ. Nhưng nếu ông hiểu được đầy đủ, thời Ta sẽ hoan hỷ tiếp nhận.

Lần thứ ba, du sĩ Sarabha giữ im lặng.

Rồi các du sĩ ở Rājagaha nói với du sĩ Sarabha:

– Này Hiền giả, những điều gì Hiền giả cần hỏi Sa-môn Gotama, Sa-môn Gotama đã cho Hiền giả có cơ hội nói lên. Hãy nói lên, này Sarabha, Hiền giả đã hiểu pháp của các Sa-môn Thích tử như thế nào? Nếu Hiền giả hiểu chưa được đầy đủ, Sa-môn Gotama sẽ làm cho đầy đủ. Nếu Hiền giả hiểu được đầy đủ, Sa-môn Gotama sẽ hoan hỷ tiếp nhận.

Được nghe nói vậy, du sĩ Sarabha giữ im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sưng sờ, không thể trả lời.

Rồi Thế Tôn biết được du sĩ Sarabha đang giữ im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sưng sờ, ngồi không trả lời, liền nói với các du sĩ ấy:

– Này các du sĩ, nếu có ai nói về Ta như sau: “Dầu ông tự cho là đã Chánh đẳng giác nhưng ông không có Chánh đẳng giác các pháp này”, ở đây, Ta sẽ khéo cật vấn, nạn vấn, thảo luận với người ấy. Người ấy bị Ta khéo cật vấn, nạn vấn, thảo luận như vậy, không có chỗ nào, không có trường hợp nào, ngoài cách dựa vào một trong ba thái độ như sau: Hoặc là tránh né vấn đề với một vấn đề khác, sẽ hướng dẫn câu chuyện ra ngoài [đề tài chính]; hay tỏ lộ phần nộ, sân hận, và bất mãn; hay im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sưng sờ, không nói gì như du sĩ Sarabha.

Này các du sĩ, nếu có ai nói về Ta như sau: “Dầu ông tự cho đã đoạn tận các lậu hoặc nhưng các lậu hoặc này chưa được đoạn tận”, ở đây, Ta sẽ khéo cật vấn, nạn vấn, thảo luận với người ấy. Người ấy bị Ta khéo cật vấn, nạn vấn, thảo luận như vậy, không có chỗ nào, không có trường hợp nào, ngoài cách dựa vào một trong ba thái độ như sau: Hoặc là tránh né vấn đề với một vấn đề khác, sẽ hướng dẫn câu chuyện ra ngoài [đề tài chính]; hay tỏ lộ phần nộ, sân hận, và

bất mãn; hay im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói gì như du sĩ Sarabha.

Này các du sĩ, nếu có ai nói về Ta như sau: “Pháp do ông thuyết giảng với mục đích chơn chánh đoạn tận khổ đau, không có đưa người thực hành đến mục đích ấy”, ở đây, Ta sẽ khéo gạt vắn, nạn vắn, thảo luận với người ấy. Người ấy bị Ta khéo gạt vắn, nạn vắn, thảo luận như vậy, không có chỗ nào, không có trường hợp nào, ngoài cách dựa vào một trong ba thái độ như sau: Hoặc là tránh né vấn đề với một vấn đề khác, sẽ hướng dẫn câu chuyện ra ngoài [đề tài chính]; hay tỏ lộ phần nộ, sân hận, và bất mãn; hay im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói gì như du sĩ Sarabha.

Rồi Thế Tôn, tại khu vườn các du sĩ, trên bờ sông Sappinī, sau khi rống lên ba lần tiếng rống con sư tử, liền ra đi trên hư không.

Rồi các du sĩ ấy, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, liền bao vây xung quanh du sĩ Sarabha, công kích du sĩ Sarabha với những lời chỉ trích như sau:

– Này Hiền giả Sarabha, như con đã can già yếu trong rừng rậm nghĩ rằng: “Ta sẽ rống tiếng con sư tử”, nhưng nó chỉ thốt ra tiếng rú của con đã can, chỉ thốt ra tiếng rú của con thú bị ăn thịt. Cũng vậy, này Hiền giả Sarabha, ngoài Sa-môn Gotama có thể có tiếng rống con sư tử, ông nghĩ: “Ta sẽ rống tiếng rống con sư tử”, nhưng ông chỉ thốt ra tiếng rú của con đã can, chỉ thốt ra tiếng rú của con thú bị ăn thịt.

Ví như, này Hiền giả Sarabha, con gà con nghĩ rằng: “Ta sẽ gáy lên tiếng gáy con gà trống”, nhưng nó chỉ có thể thốt ra tiếng kêu con gà con. Cũng vậy, này Hiền giả Sarabha, ngoài Sa-môn Gotama có thể gáy lên tiếng gáy gà trống, ông nghĩ: “Ta có thể gáy lên tiếng gáy con gà trống”, nhưng ông chỉ thốt ra tiếng gáy con gà con.

Ví như, con bê cái con, này Hiền giả Sarabha, khi chuồng bò trống không, nghĩ rằng có thể rống tiếng rống to khỏe của con bò đực. Cũng vậy, này Hiền giả Sarabha, ngoài Sa-môn Gotama ra, ông nghĩ rằng ông có thể rống lên tiếng rống to khỏe của con bò đực, nhưng ông chỉ thốt ra tiếng rống của con bê cái con.

Như vậy, các du sĩ ấy bao vây xung quanh du sĩ Sarabha, công kích du sĩ Sarabha với những lời chỉ trích như vậy.

V. KINH CÁC VỊ Ở KESAPUTTA (*Kesamuttisutta*)⁸⁷ (A. I. 188)

66. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến Kesaputta, thị trấn của người Kālāma.

Các người Kālāma ở Kesaputta được nghe: “Sa-môn Gotama là Thích tử,

⁸⁷ Bản Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và PTS viết Kesaputta. Tham chiếu: *Già-lam kinh* 伽藍經 (T.01. 0026.16. 0438b13).

xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đã đến Kesaputta. Tiếng đồn tốt đẹp như sau được truyền đi về Sa-môn Gotama: ‘Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài với thắng trí, tự thân chứng ngộ và tuyên bố về thế giới này, cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời, loài người. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, và giới thiệu đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch.’ Tốt đẹp thay được chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!” Rồi những người Kālāma ở Kesaputta đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, có người đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên; có người chấp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người im lặng rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, các người Kālāma ở Kesaputta bạch Thế Tôn:

– Có một số Sa-môn, Bà-la-môn, bạch Thế Tôn, đi đến Kesaputta; họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình nhưng họ bài xích, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc quan điểm của người khác. Bạch Thế Tôn, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng đi đến Kesaputta; họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình nhưng họ bài xích, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc quan điểm của người khác. Đối với họ, bạch Thế Tôn, chúng con có những nghi ngờ, phân vân: “Trong những Tôn giả Sa-môn này, ai nói sự thật, ai nói láo?”

– Đương nhiên, này các Kālāma, các ông có những nghi ngờ! Đương nhiên, này các Kālāma, các ông có những phân vân! Trong những trường hợp đáng nghi ngờ, các ông đương nhiên khởi lên phân vân.

Này các Kālāma, chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình rõ biết như sau: “Các pháp này là bất thiện; các pháp này là đáng chê; các pháp này bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến bất hạnh, khổ đau”; thời này các Kālāma, hãy từ bỏ chúng!

Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, lòng tham khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

– Người này có tham, này các Kālāma, bị tham chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng

khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không?

– Thừa có, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, lòng sân khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

– Người này có sân, này các Kālāma, bị sân chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không?

– Thừa có, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, lòng si khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

– Người này có si, này các Kālāma, bị si chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không?

– Thừa có, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, các pháp này là thiện hay bất thiện?

– Là bất thiện, bạch Thế Tôn.

– Đáng chê hay không đáng chê?

– Đáng chê, bạch Thế Tôn.

– Bị người có trí quả trách hay không bị người có trí quả trách?

– Bị người có trí quả trách, bạch Thế Tôn.

– Nếu được thực hiện, được chấp nhận, chúng có đưa đến bất hạnh, đau khổ không? Hay ở đây là như thế nào?

– Nếu được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến bất hạnh, đau khổ. Ở đây đối với chúng con là vậy.

– Như vậy, này các Kālāma, điều Ta vừa nói với các ông: “Chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình rõ biết như sau: ‘Các pháp này là bất thiện; các pháp này là đáng chê; các pháp

này bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến bất hạnh, khổ đau; thời này các Kālāma, hãy từ bỏ chúng!” Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Này các Kālāma, chớ có tin vì nghe báo cáo... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình rõ biết như sau: “Các pháp này là thiện; các pháp này là không đáng chê; các pháp này không bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến hạnh phúc, an lạc”; thời này các Kālāma, hãy chứng đạt và an trú!

Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, không tham khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

– Người này không tham, này các Kālāma, không bị tham chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo và cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

– Thừa có, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, không sân khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

– Người này không sân, này các Kālāma, không bị sân chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo và cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho người ấy hay không?

– Thừa có, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, không si khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

– Người này không si, này các Kālāma, không bị si chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo và cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho người ấy hay không?

– Thừa có, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, các pháp này là thiện hay bất thiện?

– Là thiện, bạch Thế Tôn.

– Các pháp này là đáng chê hay không đáng chê?

– Không đáng chê, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quả trách hay được người có trí tán thán?
- Được người có trí tán thán, bạch Thế Tôn.
- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, chúng có đưa đến hạnh phúc, an lạc không? Hay ở đây là như thế nào?
- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến hạnh phúc, an lạc. Ở đây đối với chúng con là vậy.
- Nay các Kālāma, chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng nay các Kālāma, khi nào tự mình rõ biết như sau: “Các pháp này là thiện; các pháp này là không đáng chê; các pháp này không bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến hạnh phúc, an lạc”, thời nay các Kālāma, hãy chứng đạt và an trú! Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Nay các Kālāma, vị Thánh đệ tử nào ly tham, ly sân, ly si như vậy, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với từ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, biên mãn một phương, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biên mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân.

Vị Thánh đệ tử ấy, nay các Kālāma, với tâm không oán như vậy, không sân như vậy, không uế nhiễm như vậy, thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, người ấy đạt được bốn sự an ủi:

“Nếu có đời sau, nếu có kết quả dị thực của các nghiệp thiện ác, sau khi thân hoại mệnh chung, ta sẽ sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này”; đây là an ủi thứ nhất vị ấy có được.

“Nếu không có đời sau, nếu không có kết quả dị thực của các nghiệp thiện ác, thời ở đây, trong hiện tại, ta tự sống với tâm không oán, không sân, không phiền não, được an lạc”; đây là an ủi thứ hai vị ấy có được.

“Nếu việc ác có làm, nhưng ta không có tâm ác đối với ai cả, và nếu ta không làm điều ác, sao ta có thể cảm thọ khổ đau được”; đây là an ủi thứ ba vị ấy có được.

“Nếu việc ác không có làm, như vậy, cả hai phương diện [do ta làm vô ý hay cố ý], ta quán thấy ta hoàn toàn thanh tịnh”; đây là an ủi thứ tư vị ấy có được.

Vị Thánh đệ tử ấy, nay các Kālāma, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, đạt được bốn an ủi này.

– Sự việc là như vậy, bạch Thế Tôn! Sự việc là như vậy, bạch Thiện Thệ! Vị Thánh đệ tử ấy, bạch Thế Tôn, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, đạt được bốn an ủi:

“Nếu có đời sau, nếu có kết quả dị thực của các nghiệp thiện ác, sau khi thân hoại mệnh chung, ta sẽ được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này”; đây là an ủi thứ nhất vị ấy có được.

“Nếu không có đời sau, nếu không có kết quả dị thực của các nghiệp thiện ác, thời ở đây, trong hiện tại, ta tự sống với tâm không oán, không sân, không phiền não, được an lạc”; đây là an ủi thứ hai vị ấy có được.

“Nếu việc ác có làm, nhưng ta không có tâm ác đối với ai cả, và nếu ta không làm điều ác, sao ta có thể cảm thọ khổ đau được”; đây là an ủi thứ ba vị ấy có được.

“Nếu việc ác không có làm, như vậy, cả hai phương diện [do ta làm vô ý hay cố ý], ta quán thấy ta hoàn toàn thanh tịnh”; đây là an ủi thứ tư vị ấy có được.

Vị Thánh đệ tử ấy, bạch Thế Tôn, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, đạt được bốn an ủi này.

Thật vi diệu thay, thưa Thế Tôn! Thật hy hữu thay, thưa Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Chúng con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận chúng con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

VI. KINH SĀLHA (*Sāḷhasutta*) (A. I. 193)

67. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Nandaka trú ở Sāvattthi, tại Đông Viên, nơi lâu đài của mẹ Migāra.

Rồi Sālha, cháu trai của Migāra, và Rohaṇa, cháu trai của Pekkhuṇṇiya, đi đến Tôn giả Nandaka; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Nandaka rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Nandaka nói với Sālha, cháu trai của Migāra như sau:

– Hãy đến, này các Sālha, chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Sālha, khi nào tự mình rõ biết như sau: “Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị người trí quả trách; các

pháp này nếu được thực hành và chấp nhận, đưa lại bất hạnh và đau khổ”; thời này các Sāḷha, các ông cần phải từ bỏ chúng.

Này các Sāḷha, các ông nghĩ thế nào, có tham hay không?

– Thưa có, bạch Tôn giả.

– Tham, này các Sāḷha, ta nói nghĩa này là vậy. Này các Sāḷha, người có tham này bị tham chinh phục, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Tôn giả.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Sāḷha, có sân hay không?

– Thưa có, bạch Tôn giả.

– Sân, này các Sāḷha, ta nói nghĩa này là vậy. Này các Sāḷha, người có sân này bị sân chinh phục, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Tôn giả.

– Này các Sāḷha, các ông nghĩ thế nào, có si hay không?

– Thưa có, bạch Tôn giả.

– Si, này các Sāḷha, ta nói nghĩa này là vậy. Này các Sāḷha, người có si này bị si chinh phục, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Tôn giả.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Sāḷha, các pháp này là thiện hay bất thiện?

– Là bất thiện, bạch Tôn giả.

– Các pháp này là có tội hay không có tội?

– Có tội, bạch Tôn giả.

– Bị người có trí quả trách hay được người có trí tán thán?

– Bị người có trí quả trách, bạch Tôn giả.

– Nếu được thực hiện, được chấp thuận, chúng có đưa lại bất hạnh, đau khổ không? Hay ở đây là thế nào?

– Nếu được thực hiện, được chấp thuận, thưa Tôn giả, chúng đưa lại bất hạnh, đau khổ. Ở đây đối với chúng con là như vậy.

– Như vậy, này các Sāḷha, điều ta vừa nói với các ông: “Chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin

vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nay các Sāḷha, khi nào tự mình biết như sau: ‘Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị người có trí quả trách; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa lại bất hạnh và đau khổ’; thời này các Sāḷha, hãy từ bỏ chúng!’ Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Như vậy, nay các Sāḷha, chớ có tin vì nghe báo cáo... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng nay các Sāḷha, khi nào tự mình rõ biết như sau: “Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này không bị người có trí quả trách; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến hạnh phúc, an lạc”; thời này các Sāḷha, hãy chứng đạt và an trú!

Các ông nghĩ như thế nào, nay các Sāḷha, không tham khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Hạnh phúc, bạch Tôn giả.

– Người này không tham, nay các Sāḷha, không bị tham chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo và cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy được hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

– Thừa có, bạch Tôn giả.

– Các ông nghĩ như thế nào, nay các Sāḷha, không sân khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Hạnh phúc, bạch Tôn giả.

– Người này không sân, nay các Sāḷha, không bị sân chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật... cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy được hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

– Thừa có, bạch Tôn giả.

– Các ông nghĩ như thế nào, nay các Sāḷha, không si khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Hạnh phúc, bạch Tôn giả.

– Người này không si, nay các Sāḷha, không bị si chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo và cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy được hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

– Thừa có, bạch Tôn giả.

– Các ông nghĩ thế nào, nay các Sāḷha. Các pháp này là thiện hay bất thiện?

– Là thiện, bạch Tôn giả.

– Các pháp này là có tội hay không có tội?

- Không có tội, bạch Tôn giả.
- Bị người có trí quả trách hay được người có trí tán thán?
- Được người có trí tán thán, bạch Tôn giả.
- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, chúng có đưa đến hạnh phúc, an lạc không? Hay ở đây là như thế nào?
- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, bạch Tôn giả, chúng đưa đến hạnh phúc, an lạc. Ở đây đối với chúng con là như vậy.

– Như vậy, này các Sāḷha, điều ta vừa nói với các ông: “Chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Sāḷha, khi nào tự mình rõ biết như sau: ‘Các pháp này là thiện; các pháp này không có tội; các pháp này được người có trí tán thán; các pháp này nếu được thực hiện, được chấp nhận, đưa lại hạnh phúc, an lạc’; thời này các Sāḷha, hãy chứng đạt và an trú!” Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Này các Sāḷha, vị Thánh đệ tử nào ly tham, ly sân, ly si như vậy, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với từ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, biến mãn một phương, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy rõ biết như sau: “Có trạng thái này, có trạng thái hạ liệt, có trạng thái thù thắng, có xuất ly ra khỏi tướng giới này.” Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: “Ta đã được giải thoát.” Vị ấy rõ biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.”

Vị ấy rõ biết như sau: “Trước ta có tham, tham ấy là bất thiện; nay ta không có nữa, như vậy là thiện. Trước ta có sân, sân ấy là bất thiện; nay ta không có nữa, như vậy là thiện. Trước ta có si, si ấy là bất thiện; nay ta không có nữa, như vậy là thiện.” Như vậy, ngay trong đời sống hiện tại, vị ấy được giải thoát khỏi hy cầu, được tịch tịnh, được thanh lương, cảm thấy an lạc, tự mình an trú trong Phạm tánh.

VII. KINH CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC NÓI ĐẾN (*Kathāvatthusutta*)⁸⁸ (A. I. 197)

68. Này các Tỷ-kheo, có ba vấn đề⁸⁹ này được nói đến. Thế nào là ba? Có

⁸⁸ Tham chiếu: *Thuyết xứ kinh* 說處經 (T.01. 0026.119. 0609a06).

⁸⁹ Xem *Kvu.* I. 513.

thể nói về quá khứ, này các Tỷ-kheo, nói rằng: “Như vậy đã xảy ra trong thời quá khứ.” Có thể nói về tương lai, này các Tỷ-kheo, nói rằng: “Như vậy sẽ xảy ra trong thời tương lai.” Có thể nói về hiện tại, này các Tỷ-kheo, nói rằng: “Như vậy đang xảy ra trong thời hiện tại.”

Qua sự nói chuyện, này các Tỷ-kheo, có thể biết được một người là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận.

Nếu người nào, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, không trả lời một cách dứt khoát⁹⁰ cho một câu hỏi cần phải trả lời một cách dứt khoát, không trả lời một cách phân tích cho một câu hỏi cần phải trả lời một cách phân tích, không trả lời với một câu hỏi ngược lại cho một câu hỏi cần phải trả lời với một câu hỏi ngược lại, không gạt qua một bên một câu hỏi cần phải gạt qua một bên, như vậy, này các Tỷ-kheo, một người như vậy không có khả năng thảo luận.

Nếu người nào, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, trả lời một cách dứt khoát cho một câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát, trả lời một cách phân tích cho một câu hỏi cần trả lời một cách phân tích, trả lời với một câu hỏi ngược lại cho một câu hỏi cần phải trả lời với một câu hỏi ngược lại, gạt qua một bên một câu hỏi cần phải gạt qua một bên, như vậy, này các Tỷ-kheo, một người như vậy có khả năng thảo luận.

Qua sự nói chuyện, này các Tỷ-kheo, có thể biết được một người là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, không xác nhận là đúng hay không đúng, không xác nhận là một giả thuyết, không xác nhận là quan điểm của bậc trí, không xác nhận là sở hành thường làm, nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, xác nhận là đúng hay không đúng, xác nhận là một giả thuyết, xác nhận là quan điểm của bậc trí, xác nhận là sở hành thường làm, nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy có khả năng thảo luận.

Qua sự nói chuyện, này các Tỷ-kheo, có thể biết được một người là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, tránh câu hỏi ấy⁹¹ với một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, bày tỏ sự phẫn nộ, sân hận, bất mãn, nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, không tránh câu hỏi ấy với một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không

⁹⁰ *Ekamsena*. Xem DB. III. 221; *Miln.* 144.

⁹¹ Xem A. I. 187; D. I. 96.

bày tỏ sự phẫn nộ, sân hận, bất mãn, nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này có khả năng thảo luận.

Qua sự nói chuyện, này các Tỷ-kheo, có thể biết được một người là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, lại mắng chửi, đánh đập, nhạo báng, chụp lấy chỗ sơ hở, nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, không mắng chửi, không đánh đập, không nhạo báng, không chụp lấy chỗ sơ hở, nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này có khả năng thảo luận.

Qua sự nói chuyện, này các Tỷ-kheo, có thể biết được một người có duyên hay không có duyên.

Không có lòng tai, này các Tỷ-kheo, là không có duyên. Có lòng tai là có duyên. Người có duyên thắng tri một pháp, biến tri một pháp, từ bỏ một pháp, chứng đắc một pháp;⁹² do thắng tri một pháp, biến tri một pháp, từ bỏ một pháp, chứng đắc một pháp, vị ấy cảm thấy chánh giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là lợi ích của thảo luận, như vậy là lợi ích của đàm luận, như vậy là lợi ích có duyên, như vậy là lợi ích của nghe lời khuyên, tức là tâm giải thoát không có chấp thủ.

Nói chuyện với hiềm thù,
Thiên chấp và kiêu mạn,
Nghịch lại đức bậc Thánh,
Bới móc lỗi lầm nhau,
Thích nghe nói xấu người,
Người lầm, người bới rối,
Người bị thua, bị hại,
Bậc Thánh không làm vậy.
Nếu muốn cùng đàm luận,
Bậc hiền biết thời gian,
Câu chuyện của bậc Thánh,
Liên hệ pháp, pháp nghĩa.
Người có trí nói chuyện,
Không hiềm thù, kiêu mạn,
Vớ tâm không chấp trước,
Không hiềm hận độc đoán,
Không để tâm lơ đãng,
Nói lên với chánh trí,
Hoan hỷ lời khéo nói,
Không vui lời vụng về,

⁹² Bốn pháp này, theo *Chú giải* là pháp, Thánh để về khổ, bất thiện và A-la-hán quả.

Không học cách chỉ trích,
 Không chụp sơ hở người,
 Không nhiech mắng, đánh đập,
 Không nói lời vu vơ,
 Lời nói của bậc Thánh,
 Vừa dạy vừa hoan hỷ,
 Như vậy bậc Thánh nói,
 Bậc Thánh luận đàm vậy,
 Bậc trí biết rõ vậy,
 Nói lời thật khiêm tốn.

VIII. KINH DU SĨ NGOẠI ĐẠO (*Aññatitthiyasutta*)⁹³ (A. I. 199)

69. – Nay các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: “Có ba pháp này, này các Hiền giả. Thế nào là ba? Tham, sân, si. Những pháp này, này các Hiền giả, là ba pháp. Trong ba pháp này, này các Hiền giả, thế nào là đặc thù, thế nào là thù thắng,⁹⁴ thế nào là khác biệt?” Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông trả lời như thế nào với các du sĩ ngoại đạo ấy?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm nương tựa. Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết ý nghĩa lời nói này cho chúng con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Nay các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: “Có ba pháp này, này các Hiền giả. Thế nào là ba? Tham, sân, si. Những pháp này, này các Hiền giả, là ba pháp. Trong ba pháp này, này các Hiền giả, thế nào là đặc thù, thế nào là thù thắng, thế nào là khác biệt?” Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Tham, thừa các Hiền giả, là tội nhỏ,⁹⁵ nhưng ly tham là chậm chạp. Sân là tội lớn, nhưng ly sân là mau chóng. Si là tội lớn, và ly si là chậm chạp.”

“Do nhân gì, này các Hiền giả, do duyên gì tham chưa sanh được sanh khởi, và tham đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại?”

Cần phải trả lời là “tịnh tướng”. “Với ai không như lý tác ý tịnh tướng, thời tham chưa sanh được sanh khởi, và tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến tham chưa sanh được sanh khởi, và tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.”

⁹³ Tham chiếu: *Tăng. 增* (T.02. 0125.21.7. 0604a28); *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (T.02. 0150A.45. 0882a11).

⁹⁴ Xem A. I. 267; S. III. 66.

⁹⁵ Xem A. III. 416.

“Do nhân gì, này các Hiền giả, do duyên gì sân chưa sanh được sanh khởi, và sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại?”

Cần phải trả lời là “chương ngại tướng”. “Với ai không như lý tác ý chương ngại tướng, thời sân chưa sanh được sanh khởi, và sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến sân chưa sanh được sanh khởi, và sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.”

“Do nhân gì, này các Hiền giả, do duyên gì si chưa sanh được sanh khởi, và si đã sanh được tăng trưởng, quảng đại?”

Cần phải trả lời là “không như lý tác ý”. “Với ai không như lý tác ý, thời si chưa sanh được sanh khởi, và si đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến si chưa sanh được sanh khởi, và si đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.”

“Do nhân gì, này các Hiền giả, do duyên gì tham chưa sanh không sanh khởi, và tham đã sanh được đoạn tận?”

Cần phải trả lời là “bất tịnh tướng”. “Với ai như lý tác ý bất tịnh tướng, thời tham chưa sanh không sanh khởi, và tham đã sanh được đoạn tận. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến tham chưa sanh không sanh khởi, và tham đã sanh được đoạn tận.”

“Do nhân gì, này các Hiền giả, do duyên gì sân chưa sanh không sanh khởi, và sân đã sanh được đoạn tận?”

Cần phải trả lời là “từ tâm giải thoát”. “Với ai như lý tác ý từ tâm giải thoát, thời sân chưa sanh không sanh khởi, và sân đã sanh được đoạn tận. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến sân chưa sanh không sanh khởi, và sân đã sanh được đoạn tận.”

“Do nhân gì, này các Hiền giả, do duyên gì si chưa sanh không sanh khởi, và si đã sanh được đoạn tận?”

Cần phải trả lời là “như lý tác ý”. “Với ai như lý tác ý, thời si chưa sanh không sanh khởi, và si đã sanh được đoạn tận. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến si chưa sanh không sanh khởi, và si đã sanh được đoạn tận.”

IX. KINH CÁC CĂN BẢN BẤT THIỆN (*Akusalamūlasutta*)⁹⁶ (A. I. 201)

70. Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản bất thiện này. Thế nào là ba? Tham là căn bản bất thiện, sân là căn bản bất thiện, si là căn bản bất thiện.

Pháp gì là tham, này các Tỷ-kheo, pháp ấy là bất thiện. Ai với lòng tham, có làm gì về thân, về lời, về ý, việc ấy là bất thiện. Với ai có lòng tham, bị lòng tham chinh phục, tâm không được tự chủ, vu cáo làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: “Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh”, việc ấy là bất thiện. Như vậy, rất nhiều ác, bất

⁹⁶ Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (T.02. 0150A.46. 0882a24).

thiện pháp này sanh ra từ tham, duyên khởi từ tham, tập khởi từ tham, khởi lên nơi người ấy.

Pháp gì là sân, này các Tỷ-kheo, pháp ấy là bất thiện. Ai với lòng sân, có làm gì về thân, về lời, về ý, việc ấy là bất thiện. Với ai có lòng sân, bị lòng sân chinh phục, tâm không được tự chủ, vu cáo làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: “Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh”, việc ấy là bất thiện. Như vậy, rất nhiều ác, bất thiện pháp này sanh ra từ sân, duyên khởi từ sân, tập khởi từ sân, khởi lên nơi người ấy.

Pháp gì là si, này các Tỷ-kheo, pháp ấy là bất thiện. Ai với lòng si, có làm gì về thân, về lời, về ý, việc ấy là bất thiện. Với ai có lòng si, bị lòng si chinh phục, tâm không được tự chủ, vu cáo làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: “Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh”, việc ấy là bất thiện. Như vậy, rất nhiều ác, bất thiện pháp này sanh ra từ si, duyên khởi từ si, tập khởi từ si, khởi lên nơi người ấy.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này được gọi là người nói phi thời, nói không thực, nói không trúng đích, nói phi Pháp, nói phi Luật. Vì sao người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nói phi thời, nói không thực, nói không trúng đích, nói phi Pháp, nói phi Luật? Như vậy là vì người này, này các Tỷ-kheo, đã vu cáo làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: “Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh.” Khi được đối chất với sự thật, người ấy phủ nhận, không có chấp nhận; khi được đối chất với sự không thật, người ấy không có nhiệt tình thoát mở ra ngoài, nói rằng: “Đây là không chân, đây là không thực.” Cho nên, người như vậy được gọi là người nói phi thời, nói không thực, nói không trúng đích, nói phi Pháp, nói phi Luật. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, bị các ác, bất thiện pháp do tham sanh nhiếp phục, tâm mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, bị các ác, bất thiện pháp do sân sanh nhiếp phục, tâm mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, bị các ác, bất thiện pháp do si sanh nhiếp phục, tâm mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú.

Ví như, này các Tỷ-kheo, cây Sāla hay cây Dhava hay cây Phandana bị phá hoại, bị bao trùm bởi ba loại tâm gởi (*māhuvālatā*), đi đến tổn hại, đi đến bất hạnh, đi đến tổn hại và bất hạnh; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, người như vậy, bị các ác, bất thiện pháp do tham sanh chinh phục, tâm mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú... bị các ác, bất thiện pháp do si sanh chinh phục, tâm mất tự chủ, ngay

trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn bản bất thiện.

Có ba căn bản của thiện, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Không tham là căn bản của thiện, không sân là căn bản của thiện, không si là căn bản của thiện.

Pháp gì là không tham, này các Tỷ-kheo, pháp ấy là thiện. Ai với lòng không tham, có làm gì về thân, về lời, về ý, việc ấy là thiện. Với ai không có lòng tham, không bị lòng tham chinh phục, tâm được tự chủ, không vu cáo, không làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: “Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh”, việc ấy là thiện. Như vậy, rất nhiều thiện pháp này sanh ra từ không tham, duyên khởi từ không tham, tập khởi từ không tham, khởi lên nơi người ấy.

Pháp gì là không sân, này các Tỷ-kheo, pháp ấy là thiện. Ai với lòng không sân, có làm gì về thân, về lời, về ý, việc ấy là thiện. Với ai không có lòng sân, không bị lòng sân chinh phục, tâm được tự chủ, không vu cáo, không làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: “Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh”, việc ấy là thiện. Như vậy, rất nhiều thiện pháp này sanh ra từ không sân, duyên khởi từ không sân, tập khởi từ không sân, khởi lên nơi người ấy.

Pháp gì là không si, này các Tỷ-kheo, pháp ấy là thiện. Ai với lòng không si, có làm gì về thân, về lời, về ý, việc ấy là thiện. Với ai không có lòng si, không bị lòng si chinh phục, tâm được tự chủ, không vu cáo, không làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: “Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh”, việc ấy là thiện. Như vậy, rất nhiều thiện pháp này sanh ra từ không si, duyên khởi từ không si, tập khởi từ không si, khởi lên nơi người ấy.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này được gọi là người nói đúng thời, nói thực, nói trúng đích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Vì sao người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nói đúng thời, nói thực, nói trúng đích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật? Như vậy là vì người này, này các Tỷ-kheo, đã không vu cáo, đã không làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: “Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh.” Khi được đối chất với sự thật, người ấy chấp nhận, không có phủ nhận; khi được đối chất với sự không thật, người ấy nhiệt tình thoát mở ra ngoài, nói rằng: “Đây là không chân, đây là không thực.” Cho nên, người như vậy được gọi là người nói đúng thời, nói thực, nói trúng đích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật.

Người như vậy, này các Tỷ-kheo, đoạn tận các ác, bất thiện pháp do tham sanh, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, ngay trong hiện tại được Bất-niết-bàn. Người như vậy, này các Tỷ-kheo,

không bị các ác, bất thiện pháp do sân sanh nhiếp phục, tâm không mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, không bị các ác, bất thiện pháp do si sanh nhiếp phục, tâm không mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, cây Sāla hay cây Dhava, cây Phandana, bị ba cây tầm gởi phá hoại bao trùm. Rồi có người đi đến, cầm cuốc và thùng. Người ấy chặt đứt rễ cây tầm gởi ấy, sau khi chặt đứt rễ, người ấy đào mương. Đào mương xong, người ấy nhổ các rễ lên, nhổ cho đến các rễ nhỏ như rễ Usīra.⁹⁷ Rồi người ấy chặt cây tầm gởi thành từng khúc nhỏ, bừa và chẻ thành từng mảnh nhỏ, người ấy đem phơi giữa gió và mặt trời. Sau khi phơi giữa gió và mặt trời, người ấy lấy lửa đốt, làm thành một đồng tro, và quạt chúng ra giữa gió lớn hay đổ chúng xuống dòng nước chảy nhanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các cây tầm gởi ấy, bị cắt đứt gốc từ rễ, bị làm cho như thân cây Sāla, làm cho không hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với người như vậy, các ác, bất thiện pháp do tham sanh đã được đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sāla, được làm cho không hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, ngay trong hiện tại được sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn... do sân sanh... các ác, bất thiện pháp do si sanh đã được đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sāla, được làm cho không hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, ngay trong hiện tại được sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não, ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn bản của thiện.

X. KINH CÁC LỄ BỐ-TÁT (*Uposathasutta*)⁹⁸ (A. I. 205)

71. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Pubbārāma (Đông Viên), nơi lâu đài của mẹ Migāra. Rồi Visākhā, mẹ của Migāra, trong ngày *Uposatha*,⁹⁹ đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visākhā, mẹ của Migāra, đang ngồi một bên:

- Này Visākhā, từ đâu bà đến sáng sớm như thế này?
- Bạch Thế Tôn, hôm nay con thọ trai giới (*Uposatha*).
- Có ba loại trai giới này, này Visākhā. Thế nào là ba?

⁹⁷ Một loại rễ thơm dùng để làm nước hoa.

⁹⁸ Tham chiếu: *Tăng. 增* (T.02. 0125.24.6. 0624b19); *Trì trai kinh* 持齋經 (T.01. 0026.202. 0770a16).

⁹⁹ Chính là ngày rằm.

Trai giới người chăn bò, trai giới Nigantha và trai giới bậc Thánh.

Như thế nào, này Visākhā, là trai giới người chăn bò?

Ví như, này Visākhā, người chăn bò vào buổi chiều lừa các con bò về cho chủ của chúng. Người ấy suy nghĩ: “Hôm nay, các con bò đã ăn cỏ tại chỗ này và chỗ này, đã uống nước tại chỗ này và chỗ này. Ngày mai, các con bò sẽ ăn cỏ tại chỗ này và chỗ này, sẽ uống nước tại chỗ này và chỗ này.” Cũng vậy, này Visākhā, ở đây có người giữ trai giới suy nghĩ: “Hôm nay, ta đã ăn loại đồ ăn cứng này, loại đồ ăn cứng này ta đã ăn; ta đã ăn loại đồ ăn mềm này, loại đồ ăn mềm này ta đã ăn. Ngày mai, ta sẽ ăn loại đồ ăn cứng này, loại đồ ăn cứng này ta sẽ ăn; ta sẽ ăn loại đồ ăn mềm này, loại đồ ăn mềm này ta sẽ ăn”; như vậy, người ấy sống cả ngày với tâm đồng hành với tham dục. Như vậy, này Visākhā, là trai giới người chăn bò.

Này Visākhā, thế nào là trai giới các Nigantha?

Ở đây, này Visākhā, có hạng Sa-môn tên là Nigantha, họ khích lệ đệ tử như sau: “Ông hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Đông, ngoài một trăm do-tuần; hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Tây, ngoài một trăm do-tuần; hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Bắc, ngoài một trăm do-tuần; hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Nam, ngoài một trăm do-tuần.” Như vậy, họ khích lệ vì lòng thương, vì lòng từ mẫn đối với một số sinh loại mà thôi; họ không khích lệ vì lòng thương, vì lòng từ mẫn đối với một số sinh loại khác. Trong ngày *Uposatha*, họ khích lệ đệ tử như sau: “Này các ông, hãy quăng bỏ tất cả áo quần và nói như sau: ‘Ta không có bất cứ vật gì, bất cứ ở đâu, bất cứ chỗ nào. Bất cứ vật gì, bất cứ ở đâu, bất cứ chỗ nào, không có cái gì là của ta.’”¹⁰⁰ Nhưng cha và mẹ của người ấy biết người ấy là con của mình, và người ấy biết họ là cha mẹ của mình. Vợ và con người ấy biết người ấy là chồng, là cha của mình; và người ấy biết họ là vợ, là con của mình. Các người nô tỳ làm công biết người ấy là chủ của họ; và người ấy biết họ là nô tỳ, là nhân viên của mình. Như vậy, trong thời gian đáng phải khích lệ đúng với sự thật, trong thời gian ấy, lại được khích lệ bằng điều nói láo, đây Ta tuyên bố là một sự nói láo. Sau khi đêm ấy đã qua, người ấy thọ hưởng tất cả tài sản chưa đem cho, đây Ta tuyên bố là lấy của không cho. Như vậy, này Visākhā, là lễ *Uposatha* của các Nigantha. Được sống thực hành như vậy, này Visākhā, lễ *Uposatha* của các Nigantha không có quả lớn, không có lợi ích lớn, không chói sáng lớn, không có ánh sáng lớn.

Và này Visākhā, thế nào là trai giới các bậc Thánh? Chính là làm thanh tịnh một tâm uế nhiễm với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là làm thanh tịnh một tâm uế nhiễm với phương pháp thích nghi?¹⁰¹

¹⁰⁰ *Kiñcana*. AA. II. 231 viết *palibodho*, có nghĩa là trở ngại. Xem A. II. 177; Ud. VII. 10; UdA. 386.

¹⁰¹ *Upakkamena*: Với phương pháp thích nghi. Theo AA. II. 324, đức Phật ví như đầu, Pháp là thân, Tăng là y phục, Giới là tấm gương và chư thiên là vàng ròng.

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm Như Lai: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.” Do vị ấy niệm Như Lai, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, đầu uesthiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là đầu uesthiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Do duyên bột nhồi, do duyên đất sét, do duyên nước và do duyên nỗ lực thích nghi của con người.¹⁰² Như vậy, này Visākhā, là đầu uesthiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uesthiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là tâm uesthiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm Như Lai: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.” Do vị ấy niệm Như Lai, tâm được tịnh tín, hân hoan khởi lên, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là Thánh đệ tử thực hành trai giới Phạm thiên, vị ấy cùng sống với Phạm thiên. Do duyên Phạm thiên,¹⁰³ tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uesthiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Này Visākhā, tâm uesthiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào là tâm uesthiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm Pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.” Do vị ấy niệm Pháp, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, thân uesthiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là thân uesthiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Do duyên đá bọt (*sotti*),¹⁰⁴ do duyên bột tắm (*cunṇa*), do duyên nước và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, là thân uesthiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uesthiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

¹⁰² *Tajja, sarūpa*. Xem S. II. 96; IV. 215.

¹⁰³ Ở đây Phạm thiên (*Brahmā*) chỉ cho đức Phật.

¹⁰⁴ Một thứ đá bọt dùng để chà lưng. M. II. 46. Theo *Chú giải*, đá Kuruvindaka được nghiền ra thành bột, làm thành viên tròn với sáp, được đục lỗ và xâu dây vào, hai tay cầm hai đầu dây kéo qua kéo lại, cọ sát trên lưng.

Và như thế nào, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm Pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng... được người trí tự mình giác hiểu.” Do người ấy niệm Pháp, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là Thánh đệ tử thực hành pháp trai giới, vị ấy sống với Pháp. Chính nhờ Pháp, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Này Visākhā, tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm Tăng: “Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Trục hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở đời.” Do vị ấy niệm Tăng, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, một tấm vải bị uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là một tấm vải bị uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Do duyên đất mặn, do duyên nước tro, do duyên phân bò, do duyên nước và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, một tấm vải bị uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm Tăng: “Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn... là vô thượng phước điền ở đời.” Nhờ vị ấy niệm Tăng, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là Thánh đệ tử thực hành chúng Tăng trai giới, sống với chúng Tăng. Chính nhờ chúng Tăng, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Này Visākhā, tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm giới:¹⁰⁵ “Không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được

¹⁰⁵ Xem KS. V. 297.

người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiên định.” Do vị ấy niệm giới, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, một tấm gương ướm nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là một tấm gương ướm nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Do duyên dầu, do duyên tro, do duyên bàn chải lông (*vālaṇḍupaka*) và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, là tấm gương ướm nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm ướm nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là tâm ướm nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm giới: “Không bị phá hoại... đưa đến thiên định.” Vị ấy nhờ niệm giới, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là vị Thánh đệ tử thực hành giới *Uposatha*, sống chung với giới. Nhờ giới, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm ướm nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Này Visākhā, tâm ướm nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào là tâm ướm nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm thiên:¹⁰⁶ “Có chư thiên cõi Tứ Thiên Vương; có chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba; có chư thiên Dạ-ma; có chư thiên Đâu-suất; có chư thiên Hóa Lạc; có chư thiên Tha Hóa Tự Tại; có chư thiên Phạm Chúng; có chư thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; lòng tin như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với giới như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; giới như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với nghe pháp như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; nghe pháp như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với thí như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; thí như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với tuệ như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; tuệ như vậy cũng có đầy đủ nơi ta.” Khi người ấy niệm tín, giới, nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và chư thiên ấy, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, là vàng bị ướm nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là vàng bị ướm nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi?

¹⁰⁶ Ở đây *devatā* gồm cả hai *devā* và *devatā*. Trong D. II. 252, *Mahāsamaya Sutta* và S. V. 420, có đề cập chư thiên cao hơn, trừ *bhummadevatā* (địa thần) thấp nhất.

Do duyên lò, do duyên đất muối, do duyên phấn đỏ, do duyên ống bẹ, do duyên cái kèm và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, là vàng bị uesthiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm bị uesthiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là tâm bị uesthiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm thiên: “Có chư thiên Bốn Thiên Vương; có chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba... có chư thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy, chư thiên ấy, sau khi mệnh chung ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; ta cũng có lòng tin như vậy. Đầy đủ với giới... với nghe pháp... với thí... với trí tuệ như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; ta cũng có trí tuệ như vậy.” Khi vị ấy niệm tín, giới, nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và của chư thiên ấy, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Đây gọi là vị Thánh đệ tử thực hành thiên trai giới (*Uposatha*), sống chung với chư thiên. Nhờ chư thiên, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm bị uesthiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi.

Vị Thánh đệ tử ấy, này Visākhā, suy tư như sau: “Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ sát sanh,¹⁰⁷ tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sống từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sống từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sống từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sống từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

¹⁰⁷ Xem A. IV. 248ff; D. I. 4ff; S. V. 469.

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ rượu men rượu nẫu làm cho đắm say, tránh xa rượu men rượu nẫu làm cho đắm say. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sống từ bỏ rượu men rượu nẫu làm cho đắm say, tránh xa rượu men rượu nẫu làm cho đắm say. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán ăn một ngày một bữa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sống ăn một ngày một bữa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán tránh xa, không xem múa, hát, nhạc, diễn kịch;¹⁰⁸ không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sống tránh xa, không xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ giường cao, giường lớn, tránh xa giường cao, giường lớn. Các vị ấy nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ hay trên đệm cỏ. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta từ bỏ giường cao, giường lớn, tránh xa giường cao, giường lớn. Ta nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ hay trên đệm cỏ. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

Như vậy, này Visākhā, là Thánh trai giới (*Uposatha*); thực hành Thánh trai giới, này Visākhā, có quả lớn, có lợi ích lớn, có chói sáng lớn, có ánh sáng lớn.

Quả lớn là như thế nào? Lợi ích lớn như thế nào? Chói sáng lớn như thế nào? Ánh sáng lớn như thế nào?

Ví như, này Visākhā, có người áp đặt chủ quyền cai trị trên mười sáu quốc độ lớn tràn đầy bảy báu như Aṅga, Magadha, Kāśi, Kosala, Vajjī, Malla, Ceti, Vaṅga, Kuru, Pañcāla, Macchā, Sūrasena, Assaka, Avanti, Gandhāra, Kamboja,¹⁰⁹ nhưng chủ quyền ấy không bằng một phần mười sáu của một trai giới thực hành đầy đủ cả tám giới. Vì có sao? Nhỏ nhoi thay, này Visākhā, là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!

Năm mươi năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư thiên cõi Tứ Thiên Vương. Ba mươi đêm như vậy làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Năm mươi năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên cõi Tứ Thiên Vương. Sự kiện này có xảy ra,

¹⁰⁸ Xem KS. V. 394.

¹⁰⁹ Các quốc độ này được diễn tả trong *BI*. 23ff... Các dân tộc Aṅga ở phía Đông Magadha; các dân tộc Magadha, nay gọi là Bihar; các dân tộc Kāśi ở xung quanh Benares; các dân tộc Kosalā ở Nepal, kinh đô là Sāvātthi; các dân tộc Vajjī, gồm có 8 dòng họ, như: Licchavī và Videhā ở không xa Vesālī; các dân tộc Mallā ở Kusinārā và Pāvā; các dân tộc Ceti (Cedī) có lẽ ở Nepal; các dân tộc Vamsā (hay Vacchā) có lẽ ở Bengal; các dân tộc Kurū ở gần Delhi, các dân tộc Pañcālā ở phía Đông Kuru; các dân tộc Macchā (Matsya) ở phía Nam Kuru; các dân tộc Surasenā ở Tây Nam Maccha; các dân tộc Assakā ở trên sông Godhāvari; Avanti với kinh đô là Ujjeni; Gandhāra (nay là Kandahar) và Kamboja, phía xa Tây Bắc.

này Visākhā, ở đây, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành trai giới đầy đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên cõi Tứ Thiên Vương. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: “Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!”

Một trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Ba mươi đêm như vậy làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Một ngàn năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành trai giới đầy đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: “Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!”

Hai trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư thiên ở cõi trời Yāmā. Ba mươi đêm như vậy làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Hai ngàn năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên ở cõi trời Yāmā. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành trai giới đầy đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Yāmā. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: “Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!”

Bốn trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư thiên ở cõi trời Tusita. Ba mươi đêm như vậy làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Bốn ngàn năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên ở cõi trời Tusita. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành trai giới đầy đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Tusita. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: “Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!”

Tám trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư thiên ở cõi trời Hóa Lạc. Ba mươi đêm như vậy làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Tám ngàn năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên ở cõi trời Hóa Lạc. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành trai giới đầy đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Hóa Lạc. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: “Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!”

Một ngàn sáu trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Ba mươi đêm như vậy làm

thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Mười sáu ngàn năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Sự kiện này có xảy ra, này Visākha, ở đây, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành *Upasatha* đầy đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: “Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!”

Chớ giết hại sinh loài,
Chớ lấy của không cho,
Chớ nói lời nói láo,
Chớ uống thứ rượu say,
Từ bỏ, không Phạm hạnh,
Từ bỏ, không dâm dục,
Không ăn vào ban đêm,
Tránh không ăn phi thời,
Không mang các vòng hoa,
Không dùng các hương liệu,
Hãy nằm trên tám thảm,
Được trải dài trên đất,
Chính hạnh trai giới này,
Được gọi có tám phần,
Do đức Phật nói lên,
Đưa đến đoạn tận khổ.
Mặt trăng và mặt trời,
Được thấy là lành tốt,
Chỗ nào chúng đi tới,
Chúng chói sáng hào quang,
Chúng làm mây sáng chói,
Giữa hư không chúng đi,
Trên trời chúng chói sáng,
Sáng rực mọi phương hướng,
Trong khoảng không gian ấy,
Tài sản được tìm thấy,
Trân châu và ngọc báu,
Lưu ly, đá cầu may,¹¹⁰
Vàng cục trong lòng đất,
Hay loại *kañcana*,¹¹¹
Cùng loại vàng sáng chói,

¹¹⁰ AA. II. 330: *Bhaddakanti laddhakam* (“Đá cầu may” hay còn gọi đá quý là loại đá đẹp).

¹¹¹ *Kañcana*: Tìm được trong núi. Xem AA. II. 329.

Được gọi là hāṭaka,¹¹²
 Tuy vậy chúng trị giá,
 Chỉ một phần mười sáu,
 Với hạnh giữ trai giới,
 Đầy đủ cả tám giới,
 Kể cả ánh sáng trăng,
 Với cả vòm trời sao.
 Vậy người nữ, người nam,
 Hãy giữ theo tịnh giới,
 Hành Bố-tát trai giới,
 Đầy đủ cả tám giới,
 Làm thiện các công đức,
 Đem lại nhiều an lạc,
 Được sanh lên cõi trời,
 Không bị người cười chê.

